

BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

NCS. Nguyễn Thị Huyền

1. Văn hóa vùng Đông Bắc Việt Nam.

1.1. Những biểu hiện của bản sắc văn hóa trong văn hóa vật thể.

1.1.1. Nhà ở truyền thống.

Các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc có những kiến trúc nhà ở truyền thống phù hợp với điều kiện tự nhiên miền núi, biên giới, điều kiện kinh tế và tập quán sinh sống của dân tộc. Đối với các dân tộc sống định cư, ổn định ở vùng thung lũng như dân tộc Tày, Nùng... thì kiến trúc nhà ở truyền thống của họ là nhà sàn. Sàn nhà cao khoảng trên dưới 180cm, đủ chiều cao để người có thể đi lại bình thường dưới gầm sàn. Thông thường diện tích nền nhà có hình chữ nhật, với chiều rộng là 8m, chiều dài 12m. Nhà có hai mái, mái trước và mái sau, lợp ngói máng. Nhà có hai cửa ra vào: cửa trước mở ở phía trước, gian giữa; còn cửa sau mở ở bên hông cuối gian đặt giường nam giới. Bên ngoài cửa sau có một sàn nhỏ để nước. Ngôi nhà sàn của dân tộc Tày, Nùng là sự thể hiện một cách điển hình kiểu không gian ba tầng, đó là tầng đất, tầng sàn và tầng gác. Nó phản ánh ba tầng tương ứng với ba mừng: Mừng trời, Mừng đất và Mừng nước (Mừng dưới mặt đất). Trong đó, tầng đất là tầng gầm sàn-nơi dành cho công cụ sản xuất, gia súc, gia cầm; tầng sàn là sàn dành cho người ở và đồ dung phục vụ nhu cầu hàng ngày của con người; tầng gác dành làm kho chứa lương thực.

Các dân tộc thiểu số sống ở vùng rẻo cao với lối sống du canh, du cư như dân tộc H Mông, Dao thì kiến trúc nhà ở truyền thống của họ thường là những nhà ở đơn giản, tạm bợ như nhà nền đất phen vách nứa, nhà sàn tre nứa lá. Ngôi nhà thông thường

của đồng bào là nhà ba gian hai mái. Mái nhà lợp bằng cỏ gianh. Nhà có hai cửa ra vào: một cửa chính mở ở gian giữa, phía trước nhà; một cửa phụ mở ở gian cạnh, phía sau nhà. Đối với các dân tộc (H Mông, Dao) đã định canh định cư thì họ làm nhà trình tường với kiến trúc độc đáo bởi hang rào đá được xếp bao quanh ngôi nhà.

Một đặc điểm chung trong kiến trúc ngôi nhà truyền thống của đồng bào vùng thấp và đồng bào các dân tộc vùng cao đều được xây dựng theo kết cấu có bộ khung chịu đỡ toàn bộ trọng lực ngôi nhà. Bộ khung này làm hoàn toàn bằng nguyên liệu gỗ quý được lựa chọn cẩn thận, kỹ lưỡng.

1.1.2. Trang phục truyền thống.

Trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc vô cùng phong phú đa dạng, mỗi dân tộc đều có trang phục truyền thống với các loại màu sắc, kiểu dáng và trang sức đi kèm đặc trưng riêng cho dân tộc mình. Đối với các dân tộc thiểu số sống ở vùng thung lũng như dân tộc Tày, Nùng, Giáy, trang phục tương đối giản dị chân phương với màu sắc chủ đạo là màu chàm, nguyên liệu từ bông do chính đồng bào tự trồng bông dệt vải. Còn ngược lại, các dân tộc sống ở vùng rẻo cao như dân tộc H Mông, Dao, Pà Thẻn thì quần áo rực rỡ sắc màu, cắt may cầu kỳ, thêu thùa sắc sảo, hoạt tiết công phu kèm theo nhiều vật trang trí, trang sức đa dạng.

1.2.3. Âm thực truyền thống.

Là cư dân miền núi làm nghề trồng trọt và chăn nuôi theo lối tự cung, tự cấp nên đồng bào các dân tộc vùng Đông Bắc nước ta sử dụng nguồn thực phẩm có nguồn

gốc động vật và thực vật rất phong phú bao gồm động vật chăn nuôi trong gia đình và động vật do săn bắn được; các loại rau trồng và các loại rau hái được trong tự nhiên. Nguồn thực phẩm đa dạng nên đòi hỏi cách chế biến cũng rất đa dạng tạo nên nhiều món ăn đậm đà bản sắc dân tộc, mang đậm nét đặc trưng của vùng.

Tóm lại, giá trị văn hóa vật thể của đồng bào các dân tộc vùng đông bắc được sáng tạo bắt nguồn từ cơ sở tồn tại xã hội, đó chính là điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên vùng Đông Bắc có những yếu tố đan xen, vừa có núi cao song dài, vừa có những thung lũng với những cánh đồng màu mỡ... Tất cả các giá trị văn hóa vật thể được tạo nên từ sự kết hợp giữa các nguyên vật liệu có sẵn trong thiên nhiên với sự chăm chỉ, cần cù, khéo léo của đôi bàn tay và sự sáng tạo, giàu trí tưởng tượng của khối óc để tạo nên những ngôi nhà với những kiến trúc độc đáo, những bộ trang phục với kiểu dáng và những họa tiết hoa văn đặc sắc, những món ăn với cách chế biến tinh xảo và đặc biệt là hệ thống công cụ lao động sản xuất độc đáo phù hợp với từng điều kiện địa hình khác nhau, thể hiện khả năng ứng phó với môi trường tự nhiên một cách linh hoạt.

1.2. Những biểu hiện của bản sắc văn hóa trong văn hóa phi vật thể.

1.2.1. Phong tục tập quán.

Đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc có hệ thống phong tục , tập quán phong phú, đa dạng. Mỗi một dân tộc đều có những phong tục, tập quán riêng phản ánh đặc điểm lịch sử cũng như môi trường cư trú của tộc người. Đó là những tập quán liên quan đến hoạt động sản xuất-biểu hiện mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên đậm nét thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp như tập quán canh tác “thổ canh

hóc đá”- một tập quán canh tác riêng thích ứng với điều kiện tự nhiên vùng núi đá. Đây là kỹ thuật canh tác truyền thống và khá độc đáo ở những nơi có diện tích đá nhiều hơn đất ở vùng cao Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn... Để có đất sản xuất, đồng bào đã gửi từng gùi đất lấp đầy các hóc đá để trồng cây lương thực mà chủ yếu là ngô. Tập quán sản xuất này thể hiện sức sống mạnh mẽ, tinh thần giữ đất, giữ làng, dù khó khăn đến đâu các dân tộc vẫn tìm tòi sáng tạo, duy trì cuộc sống, từng bước vươn lên xóa đói giảm nghèo.

Phong tục tập quán liên quan đến chu kỳ đời người như sinh nở, cưới xin, tang ma... cũng hết sức đa dạng, phản ánh những giá trị nhân văn trong ứng xử giữa con người với nhau trong xã hội.

Như vậy, thông qua phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Đông Bắc, các giá trị nhân văn được biểu hiện đậm nét. Lối sống chân thật, giản dị nhưng giàu lòng nhân ái, sự đoàn kết, giúp đỡ nhau trong đời sống kinh tế cũng như đời sống tinh thần là những nét văn hóa chủ đạo trong đời sống của đồng bào tồn tại qua bao thế hệ nay.

1.2.3. Tín ngưỡng, tôn giáo.

Do hoàn cảnh lịch sử thường xuyên phải thiên di, do sự áp bức bóc lột của thế lực nhà Hán nên khi di cư vào vùng Đông Bắc Việt Nam và cư trú ở vùng rừng núi có địa thế khó khăn, hiểm trở cùng với môi trường tự nhiên không thuận lợi, hoạt động kinh tế khó khăn... Đó chính là cơ sở để đồng bào tin vào số phận, tin vào lực lượng siêu nhiên dẫn đến tín ngưỡng tôn giáo.

Đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc đều thực hành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng liên quan đến cộng đồng, tín ngưỡng liên quan đến tự nhiên, tín ngưỡng liên quan đến sản xuất và tín ngưỡng liên quan đến vòng đời người...tạo nên hệ thống tín ngưỡng đa dạng phong phú.

1.2.4. Tri thức bản địa.

Trải qua quá trình sinh tồn và phát triển lâu dài trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, các DTTS vùng Đông Bắc đã đúc kết nên kho tàng tri thức riêng phong phú, chứa đựng nhiều giá trị, thể hiện rõ nét bản sắc văn hóa độc đáo.Kho tàng tri thức bản địa các DTTS không chỉ phản ánh khả năng chinh phục thiên nhiên mà còn có giá trị nhất định về mặt khoa học, lịch sử và nhân văn.

1.2.5. Nghệ thuật dân gian.

Trong quá trình hình thành và phát triển, mỗi DTTS vùng Đông Bắc tạo dựng nên một kho tàng văn hóa văn nghệ đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc và phong phú về các loại hình. Bao gồm truyện thần thoại, truyện cổ tích về nguồn gốc vũ trụ, các hiện tượng tự nhiên và muôn vật; kể về nguồn gốc loài người và các dân tộc; kể về công cuộc chinh phục tự nhiên và sáng tạo văn hóa.

Tóm lại, Đông Bắc- vùng đất giàu truyền thống cách mạng, nơi hội tụ của hơn 20DTTS, là khu vực đang hòa mình vào sự chuyển nhịp sôi động mà vẫn giữ được nhiều sắc thái văn hóa độc đáo. Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các DTTS vùng Đông bắc với thiên nhiên thông qua các giá trị văn hóa vật thể, các tri

thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua các phong tục tập quán, lễ hội; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn hóa nghệ thuật...